

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 19 - 12 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lương Hữu Thanh
Ông Trương Văn Mên
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 13 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Hứa Văn Biên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp, kết hợp trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 32/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2025/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thành C, sinh ngày 17/9/1999; tại 02 điểm cầu:

Tại điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long, gồm có: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng.

- **Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật điểm cầu trung tâm:** Bà Tiết Thị Long – Thư ký viên, công tác tại Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long.

Tại điểm cầu thành phần: Phân trại tạm giam Cầu Ngang, gồm có:

- Bị cáo Nguyễn Thành C, sinh ngày 17/9/1999, tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án (ngày 03/3/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, buộc nộp án phí 200.000 đồng theo Bản án số 18/2023/HSST, bị cáo đã chấp xong hành phạt tù vào ngày 18/8/2023, nhưng đến nay chưa nộp tiền án phí); tiền sự: Không; nhân thân: đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích; Bị cáo bị khởi tố và bị bắt tạm giam kể từ ngày 26/9/2025 đến nay, có mặt.

- *Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật điểm cầu thành phần:* Ông Lê Duy Khương – Nhân viên, công tác tại Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long.

- *Bị hại:*

1/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981; nơi cư trú ấp N, xã M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Bà Dương Thị N, sinh năm 1966; nơi cư trú ấp M, xã V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Dương Văn T1, sinh năm 1985; nơi cư trú ấp M, xã M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Văn T2, sinh năm 1976; nơi cư trú ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Ông Võ Chí T3, sinh năm 1985; nơi cư trú Ấp N, xã M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 15/7/2025, bị cáo Nguyễn Thành C đem xe mô tô biển số 84B1-591.91 đi sửa tại xã V, tỉnh Vĩnh Long. Do không mang theo tiền nên bị cáo đi bộ về nhà tại ấp H, xã M để lấy tiền trả tiền sửa xe, trên đường về bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô để làm phương tiện điều khiển đi về nhà. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, khi đi ngang nhà ông Trần Văn T2, sinh năm 1976, nơi thường trú: ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long thì bị cáo nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034 của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981, nơi thường trú: ấp N, xã M, tỉnh Vĩnh Long có cắm sẵn chìa khoá đang để trong sân nhà của ông T2, quan sát thấy không có người trông coi, nên bị cáo lén lút đi đến lấy trộm xe mô tô của ông Q và điều khiển chạy về nhà cất giấu. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ông Nguyễn Văn Q đến Công an xã V trình báo. Công an xã V tiến hành kiểm tra, xác minh làm rõ bị cáo Nguyễn Thành C là người lấy trộm tài sản nêu trên, đồng thời tạm giữ tại nhà của bị cáo một xe mô tô biển số 62P1-8034. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V giải quyết theo thẩm quyền.

Ngoài ra, trước đó bị cáo Nguyễn Thành C còn thực hiện thêm một vụ trộm cắp tài sản vào ngày 01/7/2025 tại ấp M, xã V, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể: Khoảng 12 giờ ngày 01/7/2025, bị cáo Nguyễn Thành C điều khiển xe mô tô biển số 84B1-591.91 (xe bị cáo mượn của ông Dương Văn T1, sinh năm 1976, nơi thường trú: ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long) đi một mình theo hướng từ xã C về xã M. Khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến cửa tiệm tạp hoá của bà Dương Thị N, sinh năm 1966 thuộc ấp M, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo dừng xe trước cửa tiệm và đi vào bên trong để mua đồ thì nhìn thấy có một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288 của bà N đang để trên giường, bị cáo quan sát thấy không có người trông coi nên lén lút lấy trộm điện thoại của bà N bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô chạy về nhà cất giấu điện thoại vừa trộm được để dành sử dụng. Sau đó,

Cơ quan điều tra tạm giữ một điện thoại di động hiệu Nokia mà Bị cáo lấy trộm của bà N và một xe mô tô biển số 84B1-591.91 phục vụ điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 178/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2025 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận: Tài sản bị thiệt hại một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034 có trị giá là 5.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2025 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận: Tài sản bị thiệt hại một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288 có trị giá là 960.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS-HS, ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Thành Chưa về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành C cho rằng Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long đã truy tố đúng với hành vi của bị cáo; bị cáo không có ý kiến bổ sung gì về nội dung bản Cáo trạng. Đồng thời thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034 của ông Nguyễn Văn Q và trộm một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288 của bà Dương Thị N như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Phản luận tội, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh, vai trò, tính chất mức độ hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C từ 01 năm tù đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả cho bị hại Nguyễn Văn Q một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034; trả cho bị hại Dương Thị N một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288. Đồng thời, đã trả trả cho ông Dương Văn T1 một xe mô tô biển số 84B1-591.91 xong nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Thành C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành C không có ý kiến tự bào chữa, cũng không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng; bị cáo rất hối hận về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo hứa sẽ không tiếp tục tái phạm, cố gắng cải tạo tốt để được sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị N, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Dương Văn T1, vắng mặt; người làm chứng ông Trần Văn T2, ông Võ Chí T3 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Thành C có lời khai thừa nhận vào khoảng 13 giờ 15 phút ngày 15/7/2025, tại ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034 của ông Nguyễn Văn Q. Ngoài ra, vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 01/7/2025, tại ấp M, xã V, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo còn trộm cắp tài sản một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288 của bà Dương Thị N. Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Thành C trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử là phù hợp với nhau, phù hợp hiện trường vụ án, phù hợp với thời gian bị cáo có mặt tại hiện trường vụ án, phù hợp với vật chứng vụ án và biên bản lấy lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Theo Kết luận định giá tài sản số 178/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2025 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận: Tài sản bị thiệt hại một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034 có trị giá là 5.000.000 đồng và theo Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2025 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận: Tài sản bị thiệt hại một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288 có trị giá là 960.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản bị cáo Nguyễn Thành C trộm cắp 02 lần nêu trên là 5.960.000 đồng (Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thành C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật dân sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, xã hội tại địa phương. Xuất phát từ việc bản thân không có nghề nghiệp, lười lao động, muốn có tài sản sử dụng mà không phải lao động cực khổ. Vụ án chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà không có đồng phạm.

[4] Tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện là ít nghiêm trọng, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức xem thường sự nghiêm minh của pháp luật, không biết sửa chữa lỗi lầm của mình.

Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị và cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội đối với những hành vi tương tự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thì bị cáo Nguyễn Thành C có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị thiệt hại đã kịp thời thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo có bác ruột là Liệt sĩ đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả cho bị hại Nguyễn Văn Q một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034; trả cho bị hại Dương Thị N một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288. Đồng thời, đã trả cho ông Dương Văn T1 một xe mô tô biển số 84B1-591.91 xong nên về vật chứng Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng được ban hành hợp pháp, đúng thời hạn luật định. Trong suốt quá trình tố tụng, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 268, Điều 269, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Q và bà Dương Thị N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả cho bị hại Nguyễn Văn Q một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng đen, biển số 62P1-8034; trả cho bị hại Dương Thị N một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.4 TA 1288. Đồng thời, đã trả trả cho ông Dương Văn T1 một xe mô tô biển số 84B1-591.91 xong nên về vật chứng Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại, đương sự;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan CSĐTCA tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phân trại tạm giam Cầu Ngang;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn